**NGÂN HÀNG CÂU HỎI MÔN ĐỊA LÍ 7**

**Câu 1:** Biện pháp không có vai trò trong việc giảm sức ép của dân số tới tài nguyên, môi trường ở đới nóng là

 A. giảm tỉ lệ gia tăng dân số.

 B. đẩy mạnh phát triển kinh tế.

 C. nâng cao đời sống người dân.

 D. tăng cường khai thác các nguồn tài nguyên có giá trị.

**Câu 2:** Bùng nổ dân số ở đới nóng dẫn đến hậu quả nghiêm trọng về mặt xã hội

 A. Tài nguyên thiên nhiên cạn kiệt.

 B. Đời sống người dân chậm cải thiện.

 C. Ô nhiễm môi trường đất, nước, không khí.

 D. Nền kinh tế chậm phát triển.

**Câu 3:** Nhiệt độ trung bình của đới nóng là

A. trên 20ºC B.15ºC C. 12ºC D. 10ºC

**Câu 4:** Môi trường Xích đạo ẩm nằm trong khoảng vị trí

A. 5º B đến 5º N.

B. 30º B - 30º N.

C. trên đường Xích đạo.

D. từ vĩ tuyến 5º đến chí tuyến ở cả hai bán cầu.

**Câu 5:** Đặc điểm nào sau đây không đúng với môi trường nhiệt đới?

A. Càng xa xích đạo, thực vật càng thưa

B. Càng xa xích đạo, lượng mưa càng tăng.

C. Càng gần chí tuyến, biên độ nhiệt càng lớn.

D. Trong năm hai lần nhiệt độ tăng cao vào lúc MT đi qua thiên đỉnh.

**Câu 6:** Vị trí trung gian ảnh hưởng đến đặc điểm thời tiết ở đới ôn hòa là

 A. thời tiết thay đổi thất thường.

 B. thời tiết quanh năm ôn hòa, mát mẻ.

 C. quanh năm chịu ảnh hưởng của các đợt khí lạnh.

 D. nhiệt độ không quá nóng, không quá lạnh.

**Câu 7:** Việt Nam nằm ở môi trường tự nhiên của đới nóng là

A. môi trường xích đạo ẩm. B. môi trường nhiệt đới.

C. môi trường nhiệt đới gió mùa. D. môi trường hoang mạc.

**Câu 8:** Hướng gió chính vào mùa hạ ở môi trường nhiệt đới gió mùa là

A. Đông Bắc. B. Đông Nam.

C. Tây Nam. D. Tây Bắc.

**Câu 9:** Chiếm diện tích lớn nhất ở đới ôn hòa là

 A. môi trường ôn đới hải dương.

 B. môi trường ôn đới lục địa.

 C. môi trường hoang mạc.

 D. môi trường địa trung hải.

**Câu 10:** Các chất thải sinh hoạt, chất thải từ các nhà máy, từ thuốc trừ sâu và phân

hóa học trong nông nghiệp… đổ ra biển gây ra hiện tượng

 A. Thủy triều đen. C. Triều cường.

 B. Thủy triều đỏ. D. Triều kém

**Câu 11:** Thảm thực vật tiêu biểu ở môi trường xích đạo ẩm là

A. rừng rậm xanh quanh năm. B. xavan và cây bụi.

C. rừng lá kim. D. đài nguyên.

**Câu 12:** Môi trường nhiệt đới gió mùa phân bố điển hình ở khu vực

 A. Nam Á, Đông Nam Á.

 B. Nam Á, Đông Á.

 C. Tây Nam Á, Nam Á.

 D. Bắc Á, Tây Phi.

**Câu 13:** Các nguyên nhân làm ô nhiễm không khí ở đới ôn hoà là

 A. do khói bụi từ các phương tiện giao thông, từ các nhà máy.

 B. xả rác bữa bãi nơi công cộng.

 C. khói bụi từ các vùng khác bay tới.

 D. chặt phá rừng quá mức, tài nguyên đất bị bạc màu.

**Câu 14:** Nguyên nhân chủ yếu làm sông Tô Lịch ở nước ta bị ô nhiễm nghiêm trọng (bốc mùi hôi thối, màu đen đục) là

 A. chất thải sinh hoạt của dân cư đô thị.

 B. hoạt động sản xuất nông nghiệp.

 C. hoạt động dịch vụ du lịch.

 D. hoạt động sản xuất công nghiệp.

**Câu 15:** Đặc điểm nào nổi bật của khí hậu nhiệt đới gió mùa?

A. Nóng, ẩm quanh năm.

B. Nhiệt độ, lượng mưa thay đổi theo mùa.

C. Thời tiết diễn biến thất thường.

D. Nhiệt độ, lượng mưa thay đổi theo mùa, thời tiết diễn biến thất thường.

**Câu 16:** Thảm thực vật đới ôn hòa thay đổi từ tây sang đông là

 A. rừng lá rộng, rừng lá kim, rừng hỗn giao.

 B. rừng lá kim, rừng hỗn giao, rừng cây bụi gai.

 C. rừng lá kim, rừng hỗn giao, rừng lá rộng.

 D. rừng lá rộng, rừng hỗn giao, rừng lá kim.

**Câu 17:** Khí hậu đới ôn hòa mang tính chất trung gian, biểu hiện là

 A. nhiệt độ trung bình năm trên 20ºC, lượng mưa trung bình từ 1000 – 1500mm.

 B. nhiệt độ trung bình năm khoảng 10ºC, lượng mưa trung bình từ 600 -800mm.

 C. nhiệt độ trung bình năm khoảng -10ºC, lượng mưa trung bình khoảng 500mm.

 D. nhiệt độ trung bình năm trên 25ºC, lượng mưa trung bình từ 1500 – 2500mm.

**Câu 18:** Môi trường nhiệt đới nằm trong khoảng

 A. giữa 2 chí tuyến Bắc và Nam.

 B. vĩ tuyến 5º đến chí tuyến Bắc (Nam).

 C. vĩ tuyến 5ºB đến vòng cực Bắc.

 D. chí tuyến Nam đến vĩ tuyến 40ºN.

**Câu 19:** Đặc trưng của khí hậu nhiệt đới là

 A. nhiệt độ trung bình năm không quá 20ºC, khí hậu mát mẻ quanh năm.

 B. nhiệt độ cao, khô hạn quanh năm.

 C. nhiệt độ cao quanh năm, trong năm có một thời kì khô hạn (tháng 3 – 9).

 D. nóng ẩm quanh năm, lượng mưa và độ ẩm lớn.

**Câu 20:** Chế độ nước của sông ngòi khí hậu nhiệt đới là:

 A. phân hóa theo mùa, mùa lũ trùng mùa mưa, mùa cạn trùng mùa khô.

 B. sông ngòi nhiều nước quanh năm.

 C. sông ngòi ít nước quanh năm, do lượng mưa rất thấp.

 D. chế độ nước sông thất thường.

**Câu 21:** Loại gió thổi quanh năm ở đới nóng là

 A. Gió Tây ôn đới. C. Gió mùa.

 B. Gió Tín phong. D. Gió Đông cực

**Câu 22:** Kiểu môi trường nào sau đây không thuộc đới nóng?

 A. Môi trường xích đạo ẩm.

 B. Môi trường nhiệt đới gió mùa.

 C. Môi trường nhiệt đới.

 D. Môi trường địa trung hải.

**Câu 23:** Loại rừng thường phân bố ở vùng cửa sông, ven biển là

 A. rừng rậm nhiệt đới

 B. rừng rậm xanh quanh năm

 C. rừng thưa và xa van

 D. rừng ngập mặn

**Câu 24:** Năm 2014, nước ta có diện tích là 330.000km2 và có số dân là: 90,5 triệu người. Vậy mật độ dân số trung bình của nước ta là

A. 247,3 người/km2. B. 274,3 người/km2.

C. 234,7 người/km2. D. 243,7 người/km2.

**Câu 25:** Đâu không phải nguyên nhân chủ yếu kìm hãm sự phát triển kinh tế - xã hội ở châu Phi?

A. Bùng nổ dân số. C. Sự can thiệp của nước ngoài.

B. Xung đột tộc người. D. Hạn hán, lũ lụt.

**Câu 26:** Nguyên nhân khiến hàng chục triệu người ở châu Phi thường xuyên bị nạn đói đe dọa là

A. sự thống trị của các nước chủ nghĩa thực dân.

B. bùng nổ dân số và hạn hán.

C. đại dịch AIDS, dịch bệnh đe dọa.

D. xung đột sắc tộc.

**Câu 27:** Dạng địa hình chủ yếu ở châu Phi là

A. bồn địa và sơn nguyên.

B. sơn nguyên và núi cao.

C. núi cao và đồng bằng.

D. đồng bằng và bồn địa.

**Câu 28:** Châu Phi nối liền với châu Á bởi eo đất

A. Pa-na-ma. C. Man-sơ.

B. Xuy-ê. D. Xô-ma-li.

**Câu 29:** Châu Phi có những loại khoáng sản chủ yếu là

A. vàng, kim cương, uranium, sắt, đồng và phốt phát.

B. dầu mỏ, khí đốt, đồng, vàng, kim cương và manga.

C. vàng, kim cương, chì, đồng, sắt, apatit và uranium.

D. dầu mỏ, vàng, đồng, kim cương, apatit và sắt.

**Câu 30:** Sông dài nhất châu Phi là sông

A. Nin. C. Dăm-be-di.

B. Ni-giê. D. Công-gô.

**Câu 31:** Vàng tập trung chủ yếu

A. Bắc Phi. C. Nam Phi.

B. Trung Phi. D. Khắp châu Phi.

**Câu 32:** Hoang mạc Xa-ha-ra là hoang mạc có diện tích rộng

A. lớn nhất thế giới. C. lớn thứ 3 thế giới.

B. lớn thứ hai thế giới. D. lớn thứ 4 thế giới.

**Câu 33:** Môi trường xích đạo ở châu Phi có đặc điểm là

A. rừng thưa và cây bụi chiếm diện tích lớn.

B. có nhiều động vật ăn cỏ và động vật ăn thịt,

C. thảm thực vật rừng rậm xanh quanh năm.

D. mùa đông mát mẻ, mùa hạ nóng và khô.

**Câu 34:** Dân cư châu Phi tập trung đông đúc ở

A. vùng rừng rậm xích đạo.

B. hoang mạc Xa-ha-ra.

C. vùng duyên hải cực Bắc và cực Nam.

D. hoang mạc Ca-la-ha-ri.

**Câu 35:** Thành phố trên 5 triệu dân ở châu Phi là

A. Cai-rô và Ac-cra. C. La-gôt và Ma-pu-tô.

B. Cai-rô và Ha-ra-rê. D. Cai-rô và La-gôt.

**Câu 36:** Khí hậu và thực vật ở vùng núi thay đổi theo

A. mùa và vĩ độ. B. độ cao và hướng sườn.

C. đông – tây và bắc - nam. D. vĩ độ và độ cao.

**Câu 37:** Loài động vật nào sau đây không sống ở đới lạnh?

A. Gấu bắc cực. B. Tuần lộc. C. Sư tử. D. Chim cánh cụt.

**Câu 38:** Càng xa xích đạo lượng mưa càng giảm, rừng rậm nhường chỗ cho rừng thưa và xavan cây bụi là đặc điểm của môi trường

A. Xích đạo ẩm. C. Hoang mạc.

B. Nhiệt đới. D. Địa Trung Hải.

**Câu 39:** Hai môi trường địa trung hải có đặc điểm là

A. mùa đông mát mẻ và có mưa, mùa hạ nóng và khô.

B. khí hậu khắc nghiệt, mưa rất hiếm, biên độ nhiệt ngày và đêm lớn.

C. càng xa xích đạo nhiệt độ và lượng mưa càng lớn.

D. thảm thực vật rừng rậm xanh tốt quanh năm.

**Câu 40:** Lượng mưa trung bình năm trên 2000mm phân bố ở

A. Bắc Phi và rìa phía Tây Nam của châu Phi.

B. Trung Phi và rìa phía Bắc ở châu Phi.

C. Phía Đông bán đảo Ma-đa-ga-xca và phía bắc vịnh Ghi-nê.

D. Cực Nam của châu Phi và phía Bắc của vịnh Ghi-nê.

**ĐÁP ÁN NGÂN HÀNG CÂU HỎI ĐỊA LÍ 7**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **Đáp án** | **Câu** | **Đáp án** | **Câu** | **Đáp án** | **Câu** | **Đáp án** |
| **1** | D | **11** | A | **21** | B | **31** | B |
| **2** | B | **12** | A | **22** | D | **32** | A |
| **3** | A | **13** | A | **23** | D | **33** | C |
| **4** | A | **14** | A | **24** | B | **34** | C |
| **5** | B | **15** | D | **25** | D | **35** | D |
| **6** | A | **16** | D | **26** | B | **36** | B |
| **7** | C | **17** | B | **27** | A | **37** | C |
| **8** | C | **18** | B | **28** | B | **38** | B |
| **9** | B | **19** | C | **29** | A | **39** | A |
| **10** | B | **20** | A | **30** | A | **40** | C |